

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

Số: 1544/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 28 tháng 8 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

Phê duyệt Quy hoạch cung cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2020

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương Quy hoạch Cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020;

Xét Tờ trình số 279/TTr-SNN ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án Quy hoạch cung cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020 (Đính kèm Báo cáo số 02/BC-HĐTĐQH ngày 02/7/2012 của Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020).

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch cung cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2012 với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch cung cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạm vi quy hoạch: Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Mục tiêu:

- Định hướng cho việc lập kế hoạch và đầu tư quy hoạch vùng, quy hoạch cấp huyện về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phục vụ các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác của tỉnh. Định hướng cho công tác lập

các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, hàng năm trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Định hướng cho việc quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước phục vụ cấp nước nông thôn.

- Định hướng cho việc quản lý khai thác các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh:

- Nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân cho cộng đồng, đồng thời giảm tỷ lệ bệnh tật có liên quan đến nước và VSMT nông thôn;

- Nâng cao nhận thức của nhân dân về đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường; hướng tới nhân dân thực hiện, hành động theo quy hoạch.

## 5. Quy hoạch Cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

### 5.1. Cấp nước sạch:

Căn cứ số lượng và khả năng cấp nước của các công trình cấp nước hiện có; nhu cầu cấp nước đến năm 2020 của người dân nông thôn và khả năng cấp nước của các nguồn nước đảm bảo nhu cầu cấp nước đến năm 2020 cho toàn tỉnh.

### 5.2. Vệ sinh môi trường nông thôn

a) Các loại nhà tiêu hợp vệ sinh

- Nhà tiêu hợp vệ sinh bao gồm: nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chôn có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại dùng cho gia đình. Trên phạm vi địa bàn tỉnh sử dụng chủ yếu 02 loại: Nhà tiêu thấm dội nước và Nhà tiêu tự hoại.

- Bố trí các loại hình nhà tiêu ở các vùng như sau:

+ Đối với khu vực thị trấn, thị tứ, khu vực đông dân cư có điều kiện phát triển kinh tế bố trí sử dụng chủ yếu các loại nhà tiêu tự hoại.

+ Đối với khu vực nông thôn nên sử dụng chủ yếu các loại nhà tiêu thấm dội nước.

b) Công trình vệ sinh cho các nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, trạm y tế, UBND xã

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương có thể kết hợp với công trình cấp nước tập trung trên địa bàn hoặc đầu tư xây dựng mới, nhưng đảm bảo phải theo đúng thiết kế mẫu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế ban hành.

c) Các loại chuồng trại hợp vệ sinh

- Chuồng trại có hố ủ phân: Nền chuồng trại được láng bằng vữa xi măng có độ dốc từ 1-3% nhằm dễ thoát phân xuống hố khi vệ sinh. Hố ủ phân có nắp đậy có thêm chất phụ gia, phương pháp này đã thu được nguồn phân bón có giá trị để bón cho cây trồng, đồng thời làm giảm sự ảnh hưởng của phân bón đến vệ sinh môi trường và sức khỏe con người.

- Chuồng trại có hầm Biogas: Phù hợp cho các hộ gia đình chăn nuôi thường xuyên với số lượng lớn (trên 5 con lợn);

- Tái ca các chuồng trại trên đồi, cần có mái che nắng, mưa, vách ngăn để đảm bảo thoáng mát về mùa hè, kín về mùa đông và vị trí chuồng trại phải xa nguồn nước sinh hoạt.

### 5.3. Nhu cầu về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020

- Dự báo mục tiêu đảm bảo nhu cầu về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020 như sau:

Nhu cầu về nước sạch		Đến năm 2015	Đến năm 2020
Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh		95%	98%
Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch		65%	70%
Tiêu chuẩn về số lượng	60 lít/người/ngày		60 lít/người/ngày
Vệ sinh môi trường			
Tỷ lệ hộ nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh		50%	90%
Tỷ lệ chuồng trại hợp vệ sinh		65%	90%
Tỷ lệ trường học có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh		100%	
Tỷ lệ trạm xá, UBND các xã, các cơ sở công cộng có nhà tiêu hợp vệ sinh		100%	

### 6. Dự kiến khối lượng công trình thực hiện giai đoạn 2011- 2020

STT	Nội dung	DVT	GD 2011-2015	GD 2016-2020
I	Công trình nước sạch		3.704	3.708
1	Công trình KD mới, qui mô thiết bị 20-100m <sup>3</sup> /h		3	2
2	Công trình nâng cấp, mở rộng	Công trình	24	30
3	Công trình cấp nước nhỏ, lẻ	Công trình	3.677	3.676
4	Diện tích đất sử dụng	m <sup>2</sup>	14.500	17.000
II	Công trình vệ sinh môi trường		54.836	57.058
1	Nhà tiêu tự hoại	cái	21.401	22.823
2	Nhà tiêu thấm dột	cái	17.585	28.529
3	Nhà vệ sinh khác	cái	5.850	5.706
III	Công trình cấp nước và vệ sinh trường học	Công trình	87	
IV	Công trình cấp nước và vệ sinh công cộng (Y tế, khu hành chính và công cộng...)	Công trình	75	
V	Công trình xử lý chất thải chăn nuôi	Công trình	14.716	14.153

7. Dự kiến tổng mức đầu tư giai đoạn 2011-2020:

STT	Nội dung	ĐVT Triệu đồng	
		GĐ 2011-2015	GĐ 2016-2020
I	Công trình nước sạch	384.077	527.676
1	Công trình xây dựng mới qui mô thiết bị 20-100m <sup>3</sup> /h	75.000	60.000
2	Công trình nâng cấp, mở rộng	288.000	438.500
3	Công trình cấp nước nhỏ lẻ	3.677	3.676
4	Chi phí bồi hoàn	17.400	25.500
II	Công trình vệ sinh môi trường	201.465	211.111
	Nhà tiêu tự hoại	107.008	114.114
	Nhà tiêu thấm dội	82.756	85.586
	Nhà vệ sinh khác	11.701	11.411
III	Công trình cấp nước và vệ sinh trường học	17.400	
IV	Công trình cấp nước và vệ sinh công cộng (Y tế, khu hành chính và công cộng...)	15.000	
V	Công trình xử lý chất thải chăn nuôi	73.581	72.266

8. Tổng vốn đầu tư: 1.582.576.000.000 đồng; Trong đó:

- Đầu tư cấp nước sạch : 911.753 triệu đồng ( 54%);

- Đầu tư vệ sinh môi trường: 590.823.000.000 đồng (41%);

- Chi phí truyền thông, quản lý điều hành: 80.000.000.000 đồng (5%).

9. Nguồn vốn huy động:

STT	Nguồn vốn	Mức vốn (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Nước sạch	911.753.000.000	100
1	Ngân sách Trung ương (Quốc tế)	729.000.000.000	80
2	Ngân sách địa phương	91.000.000.000	10
3	Các tổ chức, cá nhân và dân đóng góp	91.753.000.000	10
II	Vệ sinh môi trường	590.823.000.000	100
1	Ngân sách Trung ương (Quốc tế)	59.000.000.000	10
2	Ngân sách địa phương	59.000.000.000	10
3	Dân đóng góp và tự làm (vay tín dụng)	472.823.000.000	80
III	Truyền thông	80.000.000.000	100
	Ngân sách Trung ương	80.000.000.000	100

10. Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

I. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Công bố công khai Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2020 đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh, tham mưu đề xuất thực hiện các dự án trong vùng quy hoạch theo định hướng của tỉnh và ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung quy hoạch và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

## 2. Sở Y tế:

Triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, lựa chọn xây dựng, sử dụng, bảo quản các nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và trạm y tế xã.

## 3. Sở Giáo dục và Đào tạo :

Tổ chức các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, sử dụng, bảo quản nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trong trường học.

## 4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Quản lý nhà nước về tài nguyên nước và môi trường nông thôn, tập trung hướng dẫn, phổ biến, đào tạo nâng cao kiến thức về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và môi trường nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình liên quan đến môi trường nông thôn.

## 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn của huyện và Ủy ban nhân dân các xã phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông về thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, nước sạch và vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Điều 3. Thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT, UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng NN, KTTĐ, NN;
- Lưu VT, NTKT 326/00.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phong